

Số: 28/2025/QĐST-HNGĐ

Thạch An, ngày 22 tháng 5 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 19/2025/TLST- HNGĐ ngày 14/4/2025, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn*”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1999.

Nơi cư trú: T, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hữu Q – sinh năm 1991.

Nơi cư trú: T, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1999.

Nơi cư trú: T, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- Ông Nguyễn Hữu Q – sinh năm 1991.

Nơi cư trú: T, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Hữu Q.

- Về con chung: Hai đương sự xác nhận trong quá trình chung sống có 01 con chung là Nguyễn Thị Trà M - sinh ngày: 22/11/2022 (Giới tính: Nữ).

Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận bà Nguyễn Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi đủ tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Hữu Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000,^d/tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi Quyết định công nhận của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người đang trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn do nguyên đơn rút yêu cầu. Nguyên đơn xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Hữu Q mỗi người phải chịu 75.000,^d (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với việc ly hôn. Đồng thời, ông Nguyễn Hữu Q phải chịu 150.000,^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Số tiền án phí ông Nguyễn Hữu Q phải nộp là 225.000,^d (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị T là người dân tộc thiểu số (dân tộc Tày) sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Giấy xác nhận số: 19/GXN-UBND ngày 14/5/2025 của UBND xã C và có đơn xin miễn án phí. Do vậy, bà Nguyễn Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND t. Cao Bằng;
- VKSND t. Cao Bằng;
- UBND x. Canh Tân;
- VKSND h. Thạch An;
- THADS h. Thạch An;
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quỳnh Mai

